HIỆP ĐỊNH
VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ
GIỮA
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
VƯƠNG QUỐC CĂM-PU-CHIA

HIỆP ĐỊNH
VỀ CHUYỂN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ
GIỮA
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
VƯƠNG QUỐC CĂM-PU-CHIA

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Căm-pu-chia (sau đây gọi riêng là "Bên" và gọi chung là "các Bên");

Có tính đến các luật và quy định hiện hành về thi hành pháp luật của các Bên và mong muốn tăng cường các nỗ lực hợp tác trong lĩnh vực thi hành pháp luật và hoạt động tư pháp;

Mong muốn hợp tác trong chuyển giao người bị kết án phạt tù nhằm tạo thuận lợi cho họ tái hòa nhập thành công vào xã hội;

Mong muốn hợp tác trong việc thi hành các bản án hình sự;

Đã thoả thuận như sau:

ĐIỀU 1
GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong Hiệp định này:

1. "Bản án" là quyết định của Tòa án tuyên hình phạt;

2. "Bên chuyển giao" là Bên mà từ đó người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao;

3. "Bên nhận" là Bên mà người bị kết án phạt tù có thể hoặc đã được chuyển giao đến;

4. "Người bị kết án phạt tù" là người đang thi hành hình phạt tù trong trại giam, bệnh viện hoặc bất cứ nơi nào khác trên lãnh thổ của Bên chuyển giao theo bản án do Toà án của Bên chuyển giao tuyên;

5. "Hình phạt" là hình phạt tù có thời hạn hoặc tù chung thân do Tòa án áp dụng;

6. "Công dân" là người có quốc tịch Việt Nam hoặc quốc tịch Căm-pu-chia.

ĐIỀU 2
MỤC ĐÍCH CỦA HIỆP ĐỊNH

1. Các Bên cam kết dành cho nhau sự hợp tác rộng rãi nhất trong việc chuyển giao người bị kết án phạt tù theo các quy định của Hiệp định này và pháp luật của mỗi Bên.

2. Người bị kết án phạt tù có thể được chuyển giao từ lãnh thổ của Bên chuyển giao đến lãnh thổ của Bên nhận theo các quy định của Hiệp định này để thi hành toàn bộ hoặc một phần hình phạt đã tuyên đối với người đó.

ĐIỀU 3
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG

1. Vì mục đích thực thi Hiệp định này, mỗi Bên phải chỉ định một Cơ quan trung ương.

2. Cơ quan trung ương của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Bộ Công an. Cơ quan trung ương của Vương quốc Căm-pu-chia là Bộ Tư pháp. Mỗi Bên có thể thay đổi Cơ quan trung ương của mình nhưng phải thông báo cho Bên kia về sự thay đổi đó bằng văn bản thông qua kênh ngoại giao ngay khi có thể.

3. Các Cơ quan trung ương của các Bên phải xử lý các yêu cầu chuyển giao theo các quy định của Hiệp định này và pháp luật của mỗi Bên.

4. Các Cơ quan trung ương có thể liên hệ, phối hợp trực tiếp với nhau hoặc thông qua kênh ngoại giao khi thực hiện Hiệp định này.

ĐIỀU 4
ĐIỀU KIỆN CHUYỂN GIAO

Theo Hiệp định này, người bị kết án phạt tù chỉ có thể được chuyển giao với các điều kiện sau đây:

1. Hành động hoặc không hành động bị áp dụng hình phạt cấu thành tội phạm theo pháp luật Bên nhận hoặc sẽ cấu thành tội phạm nếu được thực hiện trên lãnh thổ của Bên nhận. Điều kiện này không được giải thích để yêu cầu tội phạm đó phải được quy định như nhau trong pháp luật của các Bên;

2. Người bị kết án phạt tù là công dân của Bên nhận;

3. Vào thời điểm nhận được yêu cầu chuyển giao, người bị kết án phạt tù còn phải chấp hành ít nhất một (01) năm của hình phạt tù. Trong trường hợp đặc biệt, điều kiện này có thể được miễn theo thoả thuận của các Bên;

4. Bản án đã có hiệu lực pháp luật và không còn bất kỳ thủ tục tố tụng nào đối với người đó đang chờ được tiến hành trên lãnh thổ của Bên chuyển giao;

5. Bên chuyển giao và Bên nhận và người bị kết án phạt tù đều đồng ý với việc chuyển giao. Trong trường hợp người bị kết án phạt tù không đủ năng lực để đồng ý theo pháp luật của Bên chuyển giao thì phải có sự đồng ý của người đại diện hợp pháp của người đó.

ĐIỀU 5
CÁC CĂN CỨ TỪ CHỐI CHUYỂN GIAO

Theo Hiệp định này, các Bên từ chối chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù khi thuộc một trong các trường hợp sau:

1. Khi có căn cứ cho rằng người được chuyển giao có thể bị tra tấn, trả thù, đối xử hoặc trừng trị tàn bạo hoặc vô nhân đạo tại Bên nhận;

2. Việc chuyển giao có thể phương hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự công cộng hoặc các lợi ích thiết yếu khác của một Bên.

ĐIỀU 6
THỦ TỤC CHUYỂN GIAO

1. Các Bên phải thông báo cho người bị kết án phạt tù về nội dung cơ bản của Hiệp định này. Nếu người bị kết án phạt tù có nguyện vọng được chuyển giao thì có thể trình bày nguyện vọng đó cho Bên chuyển giao hoặc Bên nhận, một trong các Bên phải thông báo việc này cho Bên kia bằng văn bản.

2. Yêu cầu chuyển giao có thể do Bên chuyển giao hoặc Bên nhận lập bằng văn bản và bao gồm các thông tin sau:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh và nơi sinh của người bị kết án phạt tù;

b) Quốc tịch và tình trạng cư trú của người bị kết án phạt tù;

c) Địa điểm và địa chỉ hiện tại của người bị kết án phạt tù.

3. Khi lập yêu cầu chuyển giao, Bên chuyển giao phải cung cấp cho Bên nhận những thông tin sau đây:

a) Nội dung sự việc là căn cứ cho việc kết án và tuyên hình phạt và luật hiện hành quy định về tội phạm đó;

b) Ngày hình phạt chấm dứt, nếu có, thời gian người bị kết án đã chấp hành hình phạt và bất kỳ quyết định nào về việc giảm án mà người bị kết án được hưởng căn cứ vào thành tích lao động, hạnh kiểm tốt, thời gian giam giữ trước khi xét xử hoặc lý do khác;

c) Một bản sao bản án có chứng thực;

d) Các báo cáo về vấn đề cải tạo, y tế hay xã hội của người bị kết án phạt tù, thông tin về quá trình điều trị của người bị kết án phạt tù tại Bên chuyển giao và khuyến nghị về việc tiếp tục điều trị người đó tại Bên nhận, nếu có;

e) Bản sao hộ chiếu hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác, nếu có, ảnh chân dung và bản in dấu vân tay (tất cả các ngón) của người bị kết án;

f) Các thông tin bổ sung khác do Bên nhận yêu cầu.

4. Nếu Bên chuyển giao đề nghị, Bên nhận phải cung cấp cho Bên chuyển giao những thông tin sau đây trước khi chuyển giao:

a) Một tài liệu hay tuyên bố nêu rõ người bị kết án phạt tù đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu tại khoản 2 Điều 4 của Hiệp định này;

b) Bản tuyên bố về hành động hoặc không hành động bị áp dụng hình phạt cấu thành tội phạm theo pháp luật của Bên nhận hoặc sẽ cấu thành tội phạm nếu được thực hiện trên lãnh thổ của Bên nhận;

c) Bản mô tả cách thức mà Bên nhận sẽ thi hành hình phạt đã tuyên đối với người bị kết án phạt tù;

d) Các thông tin bổ sung khác.

5. Nếu có yêu cầu, các Bên phải cung cấp cho nhau tối đa thông tin, tài liệu, văn bản có liên quan trước khi gửi yêu cầu chuyển giao hoặc quyết định có đồng ý với việc chuyển giao hay không.

ĐIỀU 7
SỰ ĐỒNG Ý CỦA NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

1. Bên chuyển giao phải bảo đảm rằng người bị kết án phạt tù đồng ý với việc chuyển giao một cách tự nguyện và với nhận thức đầy đủ về những

hệ quả pháp lý của việc chuyển giao. Thủ tục thể hiện sự đồng ý sẽ do pháp luật của Bên chuyển giao quy định.

2. Nếu Bên nhận mong muốn, trước khi chuyển giao, Bên chuyển giao phải tạo điều kiện cho Bên nhận xác minh sự đồng ý của người bị kết án về việc chuyển giao quy định tại khoản 5 Điều 4 của Hiệp định này là tự nguyện với sự hiểu biết đầy đủ về hệ quả pháp lý của việc này thông qua quan chức do Bên nhận chỉ định.

ĐIỀU 8
VIỆC XEM XÉT LẠI BẢN ÁN VÀ ĐẶC XÁ, ĐẠI XÁ HOẶC GIẢM HÌNH PHẠT

1. Chỉ Bên chuyển giao có quyền xem xét lại bản án.

2. Một trong các Bên có thể quyết định việc đặc xá, đại xá hoặc giảm hình phạt theo quy định pháp luật của Bên đó và phải thông báo cho Bên kia về quyết định này ngay khi có thể.

ĐIỀU 9
HIỆU LỰC CỦA VIỆC CHUYỂN GIAO ĐỐI VỚI BÊN NHẬN

1. Các cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận sẽ tiếp tục thi hành hình phạt bằng quyết định của tòa án, quyết định hành chính, nếu có, theo quy định pháp luật quốc gia và phù hợp với các điều kiện được quy định ở Điều 10 của Hiệp định này.

2. Phù hợp với các quy định tại Điều 8 của Hiệp định này, việc thi hành hình phạt sẽ được điều chỉnh bởi pháp luật của Bên nhận và chỉ có Bên đó mới có thẩm quyền ban hành các quyết định thích hợp.

ĐIỀU 10
TIẾP TỤC THI HÀNH HÌNH PHẠT

1. Bên nhận phải thi hành hình phạt được tuyên ở Bên chuyển giao.

2. Ngoại trừ các quy định tại khoản 3 Điều này, việc tiếp tục thi hành hình phạt sau khi chuyển giao phải theo quy định của pháp luật và trình tự, thủ tục của Bên nhận.

3. Nếu tính chất hoặc thời hạn của hình phạt đó không tương thích với pháp luật của Bên nhận thì Bên nhận có thể chuyển đổi hình phạt đó cho phù hợp với hình phạt mà pháp luật của mình quy định đối với tội phạm tương tự. Khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận phải căn cứ vào các kết luận về sự kiện của vụ án được thể hiện trong các ý kiến, bản luận tội, bản án hoặc hình phạt đã được Bên chuyển giao tuyên. Hình phạt chuyển đổi không được nghiêm khắc hơn hình phạt mà Bên chuyển giao đã tuyên về tính chất và thời hạn. Khi chuyển đổi hình phạt, cơ quan có thẩm quyền của Bên nhận không được chuyển đổi hình phạt tù sang hình phạt không tước tự do.

4. Nếu người bị kết án phạt tù là người chưa thành niên theo pháp luật của Bên nhận thì Bên nhận có thể xử lý với người đó như một người chưa thành niên bất kể địa vị pháp lý của người đó theo pháp luật của Bên chuyển giao.

5. Bên nhận thực hiện việc giảm án hoặc tha tù cho người bị kết án ngay sau khi nhận được thông báo về quyết định của Bên chuyển giao theo quy định tại Điều 8 của Hiệp định này.

6. Các Bên thông báo cho người bị kết án bằng văn bản về bất kỳ hành động hoặc quyết định của Bên chuyển giao hay của Bên nhận theo quy định tại khoản 2 đến khoản 5 của Điều này.

ĐIỀU 11
HIỆU LỰC CỦA VIỆC THI HÀNH XONG HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI BÊN CHUYỂN GIAO

Khi Bên nhận thông báo cho Bên chuyển giao về việc hình phạt đã được thi hành xong theo khoản 2 Điều 12 của Hiệp định này, thông báo đó sẽ có hiệu lực thi hành xong hình phạt ở Bên chuyển giao.

ĐIỀU 12
THÔNG TIN VỀ VIỆC THI HÀNH HÌNH PHẠT

Bên nhận cung cấp các thông tin liên quan đến việc thi hành hình phạt cho Bên chuyển giao một trong các trường hợp sau đây:

1. Người bị kết án phạt tù được tha tù trước thời hạn có điều kiện;
2. Bên nhận cho rằng việc thi hành hình phạt đã hoàn thành;

3. Bên nhận chuyển đổi hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Hiệp định này;

4. Người bị kết án phạt tù bỏ trốn khỏi nơi giam giữ hoặc chết trước khi chấp hành xong hình phạt;

5. Bên chuyển giao yêu cầu một bản báo cáo.

ĐIỀU 13
NGÔN NGỮ

Yêu cầu chuyển giao và các tài liệu kèm theo phải được gửi kèm bản dịch sang ngôn ngữ chính thức của Bên nhận hoặc tiếng Anh.

ĐIỀU 14
CHI PHÍ

1. Bên nhận phải chi trả các chi phí sau đây:

a) Chuyển giao người bị kết án phạt tù, trừ chi phí phát sinh hoàn toàn trên lãnh thổ của Bên chuyển giao;

b) Tiếp tục thi hành bản án sau khi chuyển giao.

2. Tuy nhiên, Bên nhận có thể thu hồi toàn bộ hay một phần chi phí chuyển giao từ người bị kết án phạt tù hoặc các nguồn khác.

ĐIỀU 15
THAM VẤN

Cơ quan trung ương của các Bên có thể tham vấn với nhau để thúc đẩy hiệu quả áp dụng Hiệp định này và thống nhất về các biện pháp thực tiễn cần thiết để tạo thuận lợi cho việc thực hiện Hiệp định này.

ĐIỀU 16
GIẢI QUYẾT BẤT ĐỒNG

1. Các Bên giải quyết mọi bất đồng phát sinh từ việc giải thích, áp dụng hoặc thực hiện Hiệp định này thông qua Cơ quan trung ương.

2. Nếu các Cơ quan trung ương không giải quyết được bất đồng theo quy định tại khoản 1 Điều này, các Bên giải quyết bất đồng thông qua con đường ngoại giao.

ĐIỀU 17
NGHĨA VỤ THEO CÁC ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Hiệp định này không ảnh hưởng đến các quyền hoặc nghĩa vụ của các Bên theo các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận quốc tế khác mà Bên đó là thành viên.

ĐIỀU 18
BÀN GIAO NGƯỜI BỊ KẾT ÁN PHẠT TÙ

1. Việc bàn giao người bị kết án phạt tù từ Bên chuyển giao đến Bên nhận được tiến hành tại địa điểm và thời gian do các Bên thỏa thuận. Bên nhận chịu trách nhiệm về việc di chuyển người bị kết án phạt tù từ Bên chuyển giao và cũng chịu trách nhiệm đối với việc giam giữ người bị kết án tù đó ở ngoài lãnh thổ của Bên chuyển giao.

2. Việc bàn giao người bị kết án phạt tù phải được lập thành văn bản, thành hai bản, bằng tiếng Việt, tiếng Khơ-me và tiếng Anh; các văn bản có giá trị như nhau. Mỗi Bên giữ một bản.

ĐIỀU 19
SỬA ĐỔI

Bất kỳ sửa đổi hoặc bổ sung đối với Hiệp định này do các Bên thỏa thuận sẽ có hiệu lực theo cùng cách thức như được quy định tại khoản 1 Điều 20 của Hiệp định này.

ĐIỀU 20
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

1. Hiệp định này phải được phê chuẩn. Mỗi Bên sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên kia ngay khi có thể, thông qua kênh ngoại giao, về việc hoàn thành các thủ tục pháp lý để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định sẽ có hiệu lực

vào ngày đầu tiên của tháng thứ hai kể từ ngày nhận được thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này có hiệu lực vô thời hạn. Tuy nhiên, Hiệp định này có thể chấm dứt hiệu lực khi một Bên thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hiệu lực cho Bên kia thông qua kênh ngoại giao. Việc chấm dứt hiệu lực sẽ có giá trị pháp lý sau sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo đó.

3. Trong trường hợp chấm dứt hiệu lực, Hiệp định này vẫn tiếp tục được áp dụng đối với các yêu cầu chuyển giao đã được lập trước ngày chấm dứt hiệu lực của Hiệp định.

4. Hiệp định này sẽ áp dụng với việc thi hành các bản án đã được tuyên trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

Để làm bằng, các đại diện dưới đây, được sự uỷ quyền đầy đủ của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Căm-pu-chia, đã ký Hiệp định này.

Làm tại Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2016, thành hai bản, bằng tiếng Việt, tiếng Khơ-me và tiếng Anh; các văn bản có giá trị như nhau. Trong trường hợp có bất kỳ bất đồng hoặc khác biệt trong giải thích Hiệp định thì sẽ căn cứ vào văn bản tiếng Anh.

THAY MẶT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA** **VIỆT NAM**	**THAY MẶT** **VƯƠNG QUỐC** **CĂM-PU-CHIA**
Lê Minh Trí **Viện trưởng Viện kiểm sát** **nhân dân tối cao**	**Ang Vong Vathana** **Bộ trưởng Bộ Tư pháp**

TREATY

ON

THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE KINGDOM OF CAMBODIA

TREATY

ON

THE TRANSFER OF SENTENCED PERSONS

BETWEEN

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

AND

THE KINGDOM OF CAMBODIA

The Socialist Republic of Viet Nam and the Kingdom of Cambodia (hereinafter referred to individually as 'the Party' and collectively as 'the Parties');

Taking into consideration the laws and regulations in force regarding law enforcement of the Parties and the desirability of enhancing their cooperative efforts in law enforcement and the administration of justice;

Desiring to co-operate in the transfer of sentenced persons to facilitate their successful reintegration into society; and

Desiring to co-operate in the enforcement of penal sentences;

Have agreed as follows:

ARTICLE 1
DEFINITIONS

For the purposes of this Treaty:

1. "Judgment" means a decision of a court imposing a sentence;

2. "Transferring Party" means the Party from which the sentenced person may be, or has been transferred;

3. "Receiving Party" means the Party to which the sentenced person may be, or has been transferred;

4. "Sentenced person" means a person who is serving the imprisonment in a prison, a hospital or any other place in the territory of the transferring Party under a sentence imposed by a court of the transferring Party;

5. "Sentence" means imprisonment for a period or life imprisonment ordered by a court;

6. "National" means a person who has nationality of Viet Nam or Cambodia.

ARTICLE 2
PURPOSE OF TREATY

1. The Parties undertake to afford each other the widest measure of cooperation in respect of the transfer of sentenced persons in accordance with the provisions of this Treaty and the law of each Party.

2. A sentenced person may be transferred from the territory of the transferring Party to the territory of the receiving Party in accordance with the provisions of this Treaty in order to serve the whole or part of the sentence imposed on him or her.

ARTICLE 3
CENTRAL AUTHORITIES

1. For the purpose of implementing this Treaty, each Party shall designate a Central Authority.

2. The Central Authority for the Socialist Republic of Viet Nam is the Ministry of Public Security. The Central Authority for the Kingdom of Cambodia is the Ministry of Justice. Either Party may change its Central Authority in which case it shall notify in writing the other of the change through diplomatic channels as soon as possible.

3. The Central Authorities of the Parties shall process requests for transfer in accordance with the provisions of this Treaty and the law of each Party.

4. The Central Authorities may communicate, co-ordinate directly or through diplomatic channels with each other for the purposes of this Treaty.

ARTICLE 4
CONDITIONS FOR TRANSFER

A sentenced person may be transferred under this Treaty only on the following conditions:

1. The acts or omissions on account of which the sentence has been imposed constitute a criminal offence according to the law of the receiving Party, or would constitute such a criminal offence if committed on the territory of the receiving Party. This condition shall not be interpreted to require that the offence described in the laws of both Parties be identical;

2. The sentenced person is a national of the receiving Party;

3. The sentenced person has at least one (01) year remaining to be served at the time of receipt of the request for transfer. In exceptional cases, this requirement may be waived by agreement of the Parties;

4. The judgment is final and no other legal proceedings pending in respect of this person in the territory of the transferring Party; and

5. The transferring and receiving Parties and the sentenced person all consent to the transfer. Where the sentenced person is incapable of giving consent under the law of the transferring Party, consent may be given by a person entitled to act on their behalf.

ARTICLE 5
GROUNDS FOR REFUSAL OF TRANSFER

Under this Treaty, the Parties shall refuse to transfer a person who is serving a sentence in any of the following circumstances:

1. There are grounds to believe that the sentenced person would be subjected to torture, retaliation, treated or punished brutally and inhumanly in the receiving Party; or

2. The transfer would prejudice sovereignty, national security, public order or other essential interests of the Party.

ARTICLE 6
PROCEDURE FOR TRANSFER

1. The Parties shall endeavour to inform sentenced persons of the substance of this Treaty. If the sentenced person wishes to be transferred, they may express such a wish to the transferring Party or the receiving Party, either of whom must inform the other Party in writing.

2. A request for transfer may be made by the transferring Party or the receiving Party to the other Party and shall be in writing and shall include the following information:

a) The full name, day, month, year and place of birth of the sentenced person;

b) The nationality and residence status of the sentenced person; and

c) The location and current address of the sentenced person.

3. Where a request for transfer has been made, the transferring Party shall provide the receiving Party with the following information:

a) A statement of the facts upon which the conviction and sentence were based and a statement of the applicable law creating the offence;

b) The termination date of the sentence, if applicable, and the length of time already served by the sentenced person and any remissions to which they are entitled on account of work done, good behaviour, pre-trial confinement or other reasons;

c) A certified copy of the judgment;

d) Any corrections, medical or social reports on the sentenced person, information about their treatment in the transferring Party, and any recommendation for their further treatment in the receiving Party, if applicable;

e) A copy of passport or identification card or any other personal documents, if applicable, the photo and finger prints (all fingers) of the sentenced person; and

f) Any other additional information requested by the receiving Party.

4. The receiving Party must provide the transferring Party with the following information before transfer, if requested by the transferring Party:

a) A document or statement indicating that the sentenced person complies with the conditions in paragraph 2 of Article 4 of this Treaty;

b) A statement that the acts or omissions on account of which the sentence has been imposed constitute a criminal offence according to the law of the receiving Party or would constitute such a criminal offence if committed on the territory of the receiving Party;

c) A statement describing how the sentenced person's sentence would be enforced by the receiving Party; and

d) Any other additional information.

5. Either Party shall, as far as possible, provide the other Party, if it so requests, with any relevant information, documents or statements before making a request for transfer or making a decision on whether or not to agree to a transfer.

ARTICLE 7
CONSENT OF THE SENTENCED PERSON

1. The transferring Party shall ensure that the sentenced person consents to the transfer voluntarily and with full knowledge of the legal consequences thereof. The procedure for giving such consent shall be governed by the law of the transferring Party.

2. The transferring Party shall afford an opportunity to the receiving Party, if the receiving Party so desires, to verify through officials designated by the receiving Party, prior to the transfer, that the sentenced person's consent to the transfer in accordance with paragraph 5 of Article 4 of this Treaty is given voluntarily and with full knowledge of the legal consequences thereof.

ARTICLE 8
REVIEW OF JUDGMENT AND PARDON, AMNESTY OR COMMUTATION

1. The transferring Party alone shall decide on any application for review of the judgment.

2. Either Party may grant pardon, amnesty or commutation of the sentence in accordance with the law of that Party and shall inform other Party of this decision as soon as possible.

ARTICLE 9
EFFECT OF TRANSFER FOR THE RECEIVING PARTY

1. The competent authorities of the receiving Party shall continue the enforcement of the sentence through a court, administrative order, if available, as may be required under its national law, under the conditions set out in Article 10 of this Treaty.

2. Subject to the provisions of Article 8 of this Treaty, the enforcement of the sentence shall be governed by the law of the receiving Party and that Party alone shall be competent to make all appropriate decisions.

5

ARTICLE 10
CONTINUED ENFORCEMENT OF SENTENCE

1. The receiving Party shall enforce the sentence as imposed by the transferring Party.

2. Notwithstanding the requirements of paragraph 3 of this Article, the continued enforcement of the sentence after transfer shall be governed by the law and procedures of the receiving Party.

3. If the sentence is by its nature or duration incompatible with the law of the receiving Party, the receiving Party may adapt the sentence in accordance with the sentence prescribed by its own law for a similar offence. When adapting the sentence, the appropriate authorities of the receiving Party shall be bound by the findings of fact, insofar as they appear from any opinion, conviction, judgment, or sentence imposed by the transferring Party. The adapted sentence shall be no more severe than that imposed by the transferring Party in terms of nature or duration. When adapting the sentence, the competent authority of the receiving Party shall not convert an imprisonment punishment to a non-deprivation of liberty sanction.

4. The receiving Party may, if a sentenced person is a juvenile according to its law, treat the sentenced person as a juvenile regardless of their status under the law of the transferring Party.

5. The receiving Party shall modify or terminate enforcement of the sentence as soon as it is informed of any decisions by the transferring Party in accordance with Article 8 of this Treaty.

6. The Parties shall inform the sentenced person in writing of any action or decisions taken by the transferring Party or the receiving Party under paragraphs 2 to 5 of this Article.

ARTICLE 11
EFFECT OF COMPLETION OF SENTENCE FOR THE TRANSFERRING PARTY

When the receiving Party notifies the transferring Party under paragraph 2 of Article 12 of this Treaty that the sentence has been completed, such notification shall have the effect of discharging the sentence in the transferring Party.

ARTICLE 12
INFORMATION ON ENFORCEMENT OF SENTENCE

The receiving Party shall provide information to the transferring Party concerning enforcement of the sentence in one of the followings:

1. The sentenced person is granted conditional release;

2. It considers enforcement of the sentence to have been completed;

3. It adapts the sentence as stipulated in paragraph 3 of Article 10 of this Treaty;

4. The sentenced person has escaped from custody, or if the sentenced person dies, before enforcement of the sentence has been completed; and

5. The transferring Party requests a report.

ARTICLE 13
LANGUAGE

Requests for transfer and accompanying documents shall be accompanied by a translation into an official language of the receiving Party or English.

ARTICLE 14
EXPENSES

1. The receiving Party shall bear the expenses of:

a) The transfer of the sentenced person, except the expenses incurred exclusively in the territory of the transferring Party; and

b) The continued enforcement of the sentence after transfer.

2. The receiving Party may, however, seek to recover all or part of the cost of transfer from the sentenced person or other sources.

ARTICLE 15
CONSULTATION

The Central Authorities of the Parties may consult with each other to promote the most effective use of this Treaty and to agree upon such practical measures as may be necessary to facilitate the implementation of this Treaty.

ARTICLE 16
SETTLEMENT OF DISPUTES

1. The Parties shall seek to resolve any dispute arising out of the interpretation, application or implementation of this Treaty through the Central Authorities.

2. If the Central Authorities are unable to resolve a dispute as envisaged in paragraph 1 of this Article, the Parties shall seek to resolve the dispute through diplomatic channels.

ARTICLE 17
OBLIGATIONS UNDER INTERNATIONAL TREATIES

This Treaty shall not affect the rights or obligations of the Parties under international treaties or other agreements to which they are a party.

ARTICLE 18
HANDING OVER OF SENTENCED PERSONS

1. The handing over of the sentenced person by the transferring Party to the receiving Party shall occur at a place and time to be agreed upon between the Parties. The receiving Party shall be responsible for the transport of the sentenced person from the transferring Party and shall also be responsible for custody of the sentenced person outside the territory of the transferring Party.

2. The handing over of the sentenced person shall be made in writing, in duplicate, in Vietnamese, Khmer and English languages; all texts being equally authentic. Each Party shall keep one text.

ARTICLE 19
AMENDMENTS

Any amendments or modifications to this Treaty agreed to by the Parties shall come into force in the same manner as stipulated in paragraph 1 of Article 20 of this Treaty.

ARTICLE 20
FINAL PROVISIONS

1. This Treaty shall be subject to ratification. Each Party shall notify the other as soon as possible, in writing, through diplomatic channels, upon the completion of its legal procedures required for the entry into force of this Treaty. The Treaty shall come into force on the first day of the second month from the date of receipt of the last notification.

2. The Treaty shall remain in force for an indefinite period. It may, however, be terminated by either of the Party by giving a written notice of termination to other Party through diplomatic channels. The termination shall take effect after six (06) months from the date of receipt of such a notice.

3. Notwithstanding any termination, this Treaty shall continue to apply to the requests for transfer that made previously before the date on which such termination takes effect.

4. This Treaty shall apply to execution of sentences imposed before or after the date of entry into force of this Treaty.

In witness whereof, the undersigned, being duly authorized by the Socialist Republic of Viet Nam and the Kingdom of Cambodia, have signed this Treaty.

Done in the city of Ha Noi on 20th December 2016, in duplicate, in Vietnamese, Khmer and English languages; all texts being equally authentic. In case of any conflict or different interpretation, the English text shall prevail.

FOR THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM	FOR THE KINGDOM OF CAMBODIA
Le Minh Tri **Prosecutor General of the Supreme People's Procuracy**	**Ang Vong Vathana** **Minister of Justice**

សន្ធិសញ្ញា

ស្តីពី

ការផ្ទេរទណ្ឌិត

រវាង

សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម

និង

ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា

សន្ធិសញ្ញា
ស្តីពី
ការផ្ទេរទណ្ឌិត
រវាង
សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម
និង
ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា

សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា (តទៅនេះហៅថា"ភាគី" សម្រាប់ភាគីនីមួយៗ ឬ "គូភាគី" សម្រាប់ភាគីទាំងពីរ)។

- ដោយបានពិចារណាលើច្បាប់ និងលិខិតបទដ្ឋានគតិយុត្តជាធរមានដែលទាក់ទងនឹងការអនុវត្តច្បាប់របស់គូភាគី និងក្នុងគោលបំណងលើកកម្ពស់កិច្ចសហប្រតិបត្តិការក្នុងវិស័យអនុវត្តច្បាប់ និងសកម្មភាពក្នុងផ្នែកយុត្តិធម៌។

- ក្នុងគោលបំណងធ្វើកិច្ចសហប្រតិបត្តិការក្នុងការផ្ទេរទណ្ឌិត ដើម្បីផ្តល់ឱកាសដល់ទណ្ឌិតក្នុងការធ្វើសមាហរណកម្មទៅក្នុងសង្គម និង

- ក្នុងគោលបំណងធ្វើកិច្ចសហប្រតិបត្តិការក្នុងការអនុវត្តសាលក្រមព្រហ្មទណ្ឌ។

បានព្រមព្រៀងដូចតទៅ៖

មាត្រា ១
និយមន័យ

គោលបំណងនៃសន្ធិសញ្ញានេះ ៖

១- "សាលក្រម" គឺជាសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ ដែលប្រកាសទោស។

២- "ភាគីផ្ទេរ" គឺជាភាគីដែលទណ្ឌិតអាច ឬត្រូវបានផ្ទេរ។

៣- "ភាគីទទួល" គឺជាភាគីដែលទណ្ឌិតអាច ឬត្រូវបានទទួល។

៤- "ទណ្ឌិត" គឺជាជនដែលកំពុងអនុវត្តទោសនៅក្នុងពន្ធនាគារ មន្ទីរពេទ្យ ឬកន្លែងផ្សេងទៀតនៅក្នុងដែនដីនៃភាគីផ្ទេរ តាមសាលក្រមដែលបានប្រកាសដោយតុលាការនៃភាគីផ្ទេរ។

៥- "ទោស" គឺជាទោសជាក់ពន្ធនាគារមានកំណត់កាល ឬអស់មួយជីវិតតាមការប្រកាសរបស់តុលាការ។

៦- "ប្រជាពលរដ្ឋ" គឺជាបុគ្គលដែលមានសញ្ជាតិវៀតណាម ឬសញ្ជាតិខ្មែរ។

មាត្រា ២
គោលបំណងនៃសន្ធិសញ្ញា

១-គូភាគីព្រមព្រៀងផ្តល់ឱ្យគ្នាទៅវិញទៅមកនូវកិច្ចសហការឲ្យបានទូលំទូលាយបំផុត ក្នុងការផ្ទេរទណ្ឌិតដោយអនុលោមតាមបទប្បញ្ញត្តិនៃសន្ធិសញ្ញានេះ និងច្បាប់របស់ភាគីនីមួយៗ។

២-ទណ្ឌិតអាចត្រូវបានផ្ទេរពីដែនដីនៃភាគីផ្ទេរទៅដល់ដែនដីរបស់ភាគីទទួល ដោយអនុលោមតាមបទប្បញ្ញត្តិនៃសន្ធិសញ្ញានេះដើម្បីអនុវត្តទោសទាំងអស់ ឬមួយផ្នែកនៃទោសដែលបានប្រកាសចំពោះជននោះ។

មាត្រា ៣
អាជ្ញាធរកណ្តាល

១- សម្រាប់គោលបំណងក្នុងការអនុវត្តសន្ធិសញ្ញានេះ ភាគីនីមួយៗត្រូវចាត់តាំងអាជ្ញាធរកណ្តាល។

២- អាជ្ញាធរកណ្តាលរបស់សាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាមគឺ ក្រសួងសន្តិសុខសាធារណៈ។
អាជ្ញាធរកណ្តាលរបស់ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជាគឺ ក្រសួងយុត្តិធម៌។
ភាគីណាមួយអាច ផ្លាស់ប្តូរអាជ្ញាធរកណ្តាលរបស់ខ្លួន ប៉ុន្តែត្រូវជូនដំណឹងជាលាយលក្ខណ៍អក្សរទៅភាគីម្ខាងទៀត តាមរយៈបណ្តាញការទូត ឱ្យបានឆាប់ប្រសិនបើអាចធ្វើទៅបាន។

៣- អាជ្ញាធរកណ្តាលរបស់គូភាគី ត្រូវចាត់ចែងសំណើសុំផ្ទេរទណ្ឌិត ដោយអនុលោមតាមបទប្បញ្ញត្តិនៃសន្ធិសញ្ញានេះ និងច្បាប់របស់ភាគីនីមួយៗ។

៤- អាជ្ញាធរកណ្តាលអាចធ្វើទំនាក់ទំនង សម្របសម្រួលដោយផ្ទាល់ ឬតាមរយៈបណ្តាញការទូត ទៅវិញទៅមកសម្រាប់គោលបំណងនៃសន្ធិសញ្ញានេះ។

មាត្រា ៤
លក្ខខណ្ឌក្នុងការផ្ទេរ

ទណ្ឌិតអាចត្រូវបានផ្ទេរតាមសន្ធិសញ្ញានេះក្នុងលក្ខខណ្ឌដូចតទៅ៖

១-អំពើសកម្ម ឬអកម្មដែលត្រូវបានប្រកាសទោសជាបទល្មើសតាមច្បាប់នៃភាគីទទួល ឬអាចជាបទល្មើស ប្រសិនបើបានប្រព្រឹត្តនៅលើដែនដីរបស់ភាគីទទួល។ លក្ខខណ្ឌនេះមិនអាចត្រូវបានយកទៅបកស្រាយដោយតម្រូវថា បទល្មើសដែលមានចែងក្នុងច្បាប់របស់គូភាគីជាបទល្មើសដូចគ្នា។

២-ទណ្ឌិត គឺជាប្រជាពលរដ្ឋរបស់ភាគីទទួល។

៣-នៅពេលដែលទទួលបានសំណើសុំផ្ទេរទណ្ឌិត ត្រូវនៅសល់រយៈពេលអនុវត្តទោសពន្ធនាគារយ៉ាងតិច ០១ (មួយ) ឆ្នាំ។ ក្នុងករណីពិសេសលក្ខខណ្ឌនេះ អាចត្រូវបានលើកលែងតាមការព្រមព្រៀងរបស់គូភាគី។

៤-សាលក្រមចូលជាស្ថាពរ និងមិនមាននីតិវិធីតាមផ្លូវច្បាប់ផ្សេងទៀតពាក់ព័ន្ធនឹងបុគ្គលនៅក្នុងដែនដីរបស់ភាគីផ្ទេរ និង

៥-ភាគីផ្ទេរ និងភាគីទទួល និងទណ្ឌិត សុទ្ធតែព្រមព្រៀងគ្នាចំពោះការផ្ទេរនេះ។ នៅក្នុងករណីដែលទណ្ឌិតអសមត្ថភាព សម្រាប់ផ្តល់ការយល់ព្រមដោយអនុលោមតាមច្បាប់របស់ភាគីផ្ទេរ ការយល់ព្រមអាចត្រូវបានផ្តល់ដោយអ្នកតំណាងស្របច្បាប់របស់ទណ្ឌិត។

មាត្រា ៥
មូលដ្ឋានក្នុងការបដិសេធការផ្ទេរ

អនុលោមតាមសន្ធិសញ្ញានេះ គូភាគីត្រូវបដិសេធក្នុងការផ្ទេរទណ្ឌិត ក្នុងករណីណាមួយដូចខាងក្រោម៖

១-នៅពេលដែលមានមូលដ្ឋានច្បាស់លាស់ដែលអាចជឿជាក់បានថា ទណ្ឌិតអាចត្រូវបានយកទៅធ្វើទារុណកម្ម សងសឹក ឬទទួលរងទណ្ឌកម្មសាហាវព្រៃផ្សៃ និងអមនុស្សធម៌ នៅក្នុងដែនដីនៃភាគីទទួល ឬ

២-ការផ្ទេរអាចបង្កឲ្យមានការអន្តរាយដល់អធិបតេយ្យភាព សន្តិសុខជាតិ សណ្តាប់ធ្នាប់សាធារណៈ ឬផលប្រយោជន៍សំខាន់ផ្សេងទៀតរបស់ភាគី។

មាត្រា ៦
នីតិវិធីក្នុងការផ្ទេរ

១-គូភាគីត្រូវផ្តល់ព័ត៌មានដល់ទណ្ឌិតអំពីអត្ថន័យនៃសន្ធិសញ្ញានេះ។ ប្រសិនបើទណ្ឌិតមានបំណងស្នើសុំផ្ទេរ ទណ្ឌិតត្រូវបង្ហាញបំណងនេះជូនភាគីផ្ទេរ ឬភាគីទទួល ភាគីដែលបានដឹងពីបំណងនេះ ត្រូវជូនដំណឹងទៅភាគីម្ខាងទៀតជាលាយលក្ខណ៍អក្សរ។

២-សំណើសុំផ្ទេរអាចធ្វើឡើងដោយភាគីផ្ទេរ ឬភាគីទទួល ទៅកាន់ភាគីម្ខាងទៀតជាលាយលក្ខណ៍អក្សរ និងត្រូវមានព័ត៌មានដូចខាងក្រោម៖

ក-គោត្តនាម និងនាម ថ្ងៃ ខែ ឆ្នាំកំណើត និងទីកន្លែងកំណើតរបស់ទណ្ឌិត

ខ-សញ្ជាតិ និងស្ថានភាពនៃកន្លែងស្នាក់នៅរបស់ទណ្ឌិត និង

គ-ទីតាំង និងអាសយដ្ឋានបច្ចុប្បន្នរបស់ទណ្ឌិត។

៣-នៅពេលដែលមានសំណើសុំផ្ទេរ ភាគីផ្ទេរត្រូវផ្តល់ឱ្យភាគីទទួលនូវព័ត៌មានដូចខាងក្រោម៖

ក-របាយការណ៍អំពីអង្គហេតុដែលជាមូលដ្ឋាននៃការកំណត់អំពីពិរុទ្ធភាព និងការប្រកាសទោស និងច្បាប់ជាធរមានដែលចែងអំពីបទល្មើសនោះ។

ខ-កាលបរិច្ឆេទបញ្ចប់ការអនុវត្តទោស ប្រសិនបើមាន និងរយៈពេលដែលទណ្ឌិតបានអនុវត្តទោសរួចហើយ ព្រមទាំងសេចក្តីសម្រេចបន្ធូរបន្ថយទោស ដែលទណ្ឌិតបានទទួលដោយផ្អែកលើលទ្ធផលការងារដែលបានបំពេញចប់សព្វគ្រប់ហើយ ដោយផ្អែកលើអាកប្បកិរិយាល្អរយៈពេលឃុំខ្លួនមុនពេលជំនុំជម្រះ ឬមូលហេតុផ្សេងទៀត។

គ-ច្បាប់ចម្លងសាលក្រមដោយមានការបញ្ជាក់។

ឃ-របាយការណ៍អំពីការកែប្រែ ស្ថានភាពសុខភាព ឬសង្គមដែលទាក់ទងនឹងទណ្ឌិត ព័ត៌មានលម្អិតអំពីដំណើរការនៃការព្យាបាលទណ្ឌិត នៅក្នុងដែនដីនៃភាគីផ្ទេរនិងអនុសាសន៍សម្រាប់ការព្យាបាលបន្តទៅលើទណ្ឌិតនោះ នៅក្នុងដែនដីនៃភាគីទទួលប្រសិនបើមាន។

ង-ឯកសារចម្លងនៃលិខិតឆ្លងដែន ឬអត្តសញ្ញាណប័ណ្ណ ឬឯកសារផ្ទាល់ខ្លួនផ្សេងៗ ប្រសិនបើមាន រូបថត និងស្នាមម្រាមដៃ (ទាំងអស់) របស់ទណ្ឌិត និង

ច-ព័ត៌មានបន្ថែមទៀត ដែលស្នើសុំដោយភាគីទទួល។

៤-ប្រសិនបើមានសំណូមពររបស់ភាគីផ្ទេរ ភាគីទទួលត្រូវផ្តល់ឲ្យភាគីផ្ទេរនូវព័ត៌មានដូចខាងក្រោមមុនពេលផ្ទេរ៖

ក-ឯកសារ ឬសេចក្តីថ្លែងការណ៍បញ្ជាក់ថា ទណ្ឌិតនោះឆ្លើយតបពេញលេញតាមលក្ខខណ្ឌដែលបានបញ្ញត្តក្នុងកថាខណ្ឌទី២ នៃមាត្រា៤ នៃសន្ធិសញ្ញានេះ។

ខ-សេចក្តីថ្លែងការណ៍ដែលបញ្ជាក់ថា អំពើសកម្ម ឬអកម្មដែលត្រូវបានប្រកាសទោសជាបទល្មើសតាមច្បាប់នៃភាគីទទួល ឬអាចជាបទល្មើស ប្រសិនបើបានប្រព្រឹត្តនៅលើដែនដីរបស់ភាគីទទួល។

គ-សេចក្តីថ្លែងការណ៍អំពីវិធីសាស្ត្រដែលភាគីទទួលនឹងអនុវត្តទោសចំពោះទណ្ឌិត និង

ឃ-ព័ត៌មានបន្ថែមផ្សេងទៀត។

៥-ប្រសិនបើមានសំណើសុំ ភាគីត្រូវផ្តល់ទៅឱ្យភាគីម្ខាងទៀត ឲ្យអស់លទ្ធភាពនូវព័ត៌មាន ឯកសារ ឬសេចក្តីថ្លែងការណ៍ដែលពាក់ព័ន្ធ មុនពេលធ្វើសំណើសុំផ្ទេរ ឬសេចក្តីសម្រេចយល់ព្រមឬមិនយល់ព្រមចំពោះការផ្ទេរ។

មាត្រា ៧
ការយល់ព្រមរបស់ទណ្ឌិត

១-ភាគីផ្ទេរ ត្រូវជានាថា ទណ្ឌិតបានយល់ព្រមចំពោះការផ្ទេរដោយស្ម័គ្រចិត្ត និងបានដឹងយ៉ាងច្បាស់ អំពីផលវិបាកខាងផ្លូវច្បាប់ដែលកើតចេញពីការផ្ទេរ។ នីតិវិធីផ្តល់ការយល់ព្រម អាស្រ័យ

ដោយការកំណត់របស់ច្បាប់នៃភាគីផ្ទេរ។

២-មុនពេលផ្ទេរ ប្រសិនបើមានការស្នើសុំពីភាគីទទួល ភាគីផ្ទេរត្រូវផ្តល់ឱកាសឱ្យ ភាគីទទួលចាត់តាំងមន្ត្រីខ្លួនធ្វើការផ្ទៀងផ្ទាត់ការយល់ព្រមរបស់ទណ្ឌិតចំពោះការផ្ទេរ ត្រូវបានធ្វើឡើងដោយស្មគ្រចិត្ត និងបានយល់ដឹងយ៉ាងល្អិតល្អន់អំពីផលវិបាកខាងផ្លូវច្បាប់ដែលអាចកើតមាន ស្របតាមកថាខណ្ឌទី៥ នៃមាត្រា៤ នៃសន្ធិសញ្ញានេះ។

មាត្រា ៨
ការសើរើលើសាលក្រម និងការលើកលែងទោសជាទូទៅ ការលើកលែងទោស ឬការបន្ធូរបន្ថយទោស

១-ភាគីផ្ទេរតែមួយគត់ ដែលមានសិទ្ធិសើរើសាលក្រម។

២-ភាគីណាមួយ អាចផ្តល់ការលើកលែងទោសជាទូទៅ ការលើកលែងទោស ឬការបន្ធូរបន្ថយទោស យោងតាមច្បាប់របស់ភាគីនោះ និងត្រូវជូនដំណឹងទៅភាគីម្ខាងទៀត អំពីសេចក្តីសម្រេចនេះភ្លាម តាមដែលអាចធ្វើទៅបាន។

មាត្រា ៩
អនុភាពនៃការផ្ទេរសម្រាប់ភាគីទទួល

១-អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចរបស់ភាគីទទួល ត្រូវបន្តការអនុវត្តទោសដោយសេចក្តីសម្រេចរបស់តុលាការ សេចក្តីសម្រេចរដ្ឋបាល ប្រសិនបើមានតាមច្បាប់ជាតិ និងស្របតាមបណ្តាលក្ខខណ្ឌដែលបានបញ្ញត្តក្នុងមាត្រា១០ នៃសន្ធិសញ្ញានេះ។

២-ស្របតាមបទប្បញ្ញត្តិមាត្រា៨ នៃសន្ធិសញ្ញានេះ ការអនុវត្តទោស ត្រូវបានគ្រប់គ្រងដោយច្បាប់នៃភាគីទទួល និងមានតែភាគីនេះតែប៉ុណ្ណោះ មានសមត្ថកិច្ចអនុវត្តគ្រប់សេចក្តីសម្រេចសមស្រប។

មាត្រា ១០
ការបន្តការអនុវត្តទោស

១-ភាគីទទួល ត្រូវតែអនុវត្តទោសដែលបានប្រកាសដោយភាគីផ្ទេរ។

២-លើកលែងបញ្ញត្តិដែលមានចែងក្នុងកថាខណ្ឌទី៣ នៃមាត្រានេះ ការបន្តការអនុវត្តទោសក្រោយពេលផ្ទេរ ត្រូវអនុវត្តតាមច្បាប់ និងនីតិវិធីរបស់ភាគីទទួល។

៣-ប្រសិនបើប្រភេទ ឬរយៈពេលនៃទោសមិនស្របជាមួយច្បាប់របស់ភាគីទទួល នោះភាគីទទួល អាចសម្របសម្រួលទោសនោះឲ្យស្របជាមួយទោសដែលច្បាប់របស់ខ្លួនបានកំណត់ចំពោះបទល្មើសប្រហាក់ប្រហែលគ្នា។ នៅពេលមានការសម្របសម្រួលទោស អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចនៃភាគីទទួល ត្រូវផ្អែកលើសេចក្តីសន្និដ្ឋានអំពីអង្គហេតុក្នុងរឿងក្តីដែលបានពីយោបល់ពិរុទ្ធភាព សាលក្រម ឬទោសដែលត្រូវបានប្រកាសដោយភាគីផ្ទេរ។ ទោសដែលត្រូវបានសម្របសម្រួល មិនអាចធ្ងន់ជាងទោសដែលភាគីផ្ទេរបានប្រកាស ដោយផ្អែកលើប្រភេទ ឬរយៈពេល។ នៅពេលដែលមានការសម្របសម្រួលទោស អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចរបស់ភាគីទទួល មិនអាចប្តូរពីទោសដាក់ពន្ធនាគារទៅជាទោសមិនដកហូតសេរីភាពបានឡើយ។

៤-ប្រសិនបើទណ្ឌិតជាអនីតិជនតាមច្បាប់របស់ភាគីទទួល នោះភាគីទទួលអាចប្រព្រឹត្តទៅលើទណ្ឌិតនោះដូចជាអនីតិជន ដោយមិនគិតអំពីស្ថានភាពគតិយុត្តរបស់ទណ្ឌិតនោះដោយអនុលោមតាមច្បាប់របស់ភាគីផ្ទេរឡើយ។

៥-ភាគីទទួល ត្រូវអនុវត្តការបន្ធូរបន្ថយ ឬការលើកលែងទោសដល់ទណ្ឌិតនេះភ្លាម ក្រោយពេលទទួលបានការជូនដំណឹងអំពីសេចក្តីសម្រេចរបស់ភាគីផ្ទេរ ដោយអនុលោមតាមមាត្រា៨ នៃសន្ធិសញ្ញានេះ។

៦-គូភាគីត្រូវជូនដំណឹងដល់ទណ្ឌិតជាលាយលក្ខណ៍អក្សរអំពីរាល់ចំណាត់ការ ឬសេចក្តីសម្រេចរបស់ភាគីផ្ទេរ ឬភាគីទទួលតាមបញ្ញត្តិនៃកថាខណ្ឌទី២ ដល់កថាខណ្ឌទី៥ នៃមាត្រានេះ។

មាត្រា ១១
អានុភាពនៃការបញ្ចប់ការដាក់ទោសសម្រាប់ភាគីផ្ទេរ

នៅពេលភាគីទទួលជូនដំណឹងដល់ភាគីផ្ទេរ អំពីការអនុវត្តទោសដែលត្រូវបានបញ្ចប់ ដោយអនុលោមតាមកថាខណ្ឌទី២ នៃមាត្រា១២ នៃសន្ធិសញ្ញានេះ ការជូនដំណឹងនេះមានអានុភាពជាការរួចផុតពីទោសនៅភាគីផ្ទេរ។

មាត្រា ១២
ព័ត៌មានអំពីការអនុវត្តទោស

ភាគីទទួលត្រូវតែផ្តល់ព័ត៌មានដែលទាក់ទងនឹងការអនុវត្តទោសទៅភាគីផ្ទេរ ក្នុងករណីណាមួយដូចខាងក្រោម៖

១-ទណ្ឌិត បានទទួលការដោះលែងដោយមានលក្ខខណ្ឌ

២-ភាគីទទួល យល់ឃើញថាការអនុវត្តទោសត្រូវបានបញ្ចប់

៣-ភាគីទទួល សម្របសម្រួលទោសដូចមានចែងក្នុងកថាខណ្ឌទី៣ នៃមាត្រា១០ នៃសន្ធិសញ្ញានេះ

៤-ទណ្ឌិត បានលួចរត់ចេញពីទីឃុំឃាំង ឬប្រសិនបើទណ្ឌិតទទួលមរណភាពមុនពេលបញ្ចប់ការអនុវត្តទោស និង

៥-ភាគីផ្ទេរ ស្នើសុំរបាយការណ៍។

មាត្រា ១៣
ភាសា

សំណើសុំផ្ទេរ និងឯកសារពាក់ព័ន្ធត្រូវភ្ជាប់មកជាមួយនូវអត្ថបទបកប្រែជាភាសាផ្លូវការរបស់ភាគីទទួល ឬជាភាសាអង់គ្លេស។

មាត្រា ១៤
ការចំណាយ

១-ភាគីទទួល ត្រូវទទួលបន្ទុកលើការចំណាយ ដូចជា៖

ក-ការផ្ទេរទណ្ឌិត លើកលែងការចំណាយដែលបានកើតនៅក្នុងដែនដីរបស់ភាគីផ្ទេរ និង

ខ-ការបន្តអនុវត្តទោសក្រោយពេលផ្ទេរ។

២-ទោះយ៉ាងណា ភាគីទទួលអាចប្រមូលមកវិញទាំងស្រុង ឬមួយផ្នែកនៃការចំណាយក្នុងការផ្ទេរពីទណ្ឌិត ឬពីប្រភពផ្សេងៗ។

មាត្រា ១៥
ការពិគ្រោះយោបល់

អាជ្ញាធរកណ្តាលនៃគូភាគី អាចពិគ្រោះយោបល់គ្នា ដើម្បីលើកកម្ពស់ប្រសិទ្ធភាពនៃការអនុវត្តសន្ធិសញ្ញានេះ និងព្រមព្រៀងអំពីវិធានការជាក់ស្តែងចាំបាច់ ដើម្បីផ្តល់ភាពងាយស្រួលដល់ការអនុវត្តសន្ធិសញ្ញានេះ។

មាត្រា ១៦
ការដោះស្រាយទំនាស់

១-គូភាគីត្រូវស្វែងរកដំណោះស្រាយរាល់វិវាទដែលកើតចេញពីការបកស្រាយ ការអនុវត្ត ឬការប្រតិបត្តិសន្ធិសញ្ញានេះ តាមរយៈអាជ្ញាធរកណ្តាល។

២-ប្រសិនបើអាជ្ញាធរកណ្តាលមិនមានលទ្ធភាពដោះស្រាយវិវាទ ដូចដែលមានចែងក្នុងកថាខណ្ឌទី១ នៃមាត្រានេះទេ គូភាគីត្រូវស្វែងរកដំណោះស្រាយវិវាទនេះ តាមរយៈបណ្តាញការទូត។

មាត្រា ១៧
ភាគព្វកិច្ចនៅក្រោមសន្ធិសញ្ញាអន្តរជាតិ

សន្ធិសញ្ញានេះ មិនមានឥទ្ធិពលទៅលើសិទ្ធិ ឬភាគព្វកិច្ចនៃគូភាគីដែលជាសមាជិកនៃសន្ធិសញ្ញា ឬកិច្ចព្រមព្រៀងអន្តរជាតិផ្សេងទៀតឡើយ។

មាត្រា ១៨
ការប្រគល់ ទទួលទណ្ឌិត

១-ការប្រគល់ ទទួលទណ្ឌិតពីភាគីផ្ទេរដល់ភាគីទទួល ត្រូវធ្វើឡើងនៅទីកន្លែង និងពេលវេលាដែលគូភាគីបានព្រមព្រៀង។ ភាគីទទួល ត្រូវទទួលខុសត្រូវចំពោះការដឹកជញ្ជូនទណ្ឌិតពីភាគីផ្ទេរ និងត្រូវទទួលខុសត្រូវលើការឃុំឃាំងទណ្ឌិត នៅក្រៅដែនដីរបស់ភាគីផ្ទេរ។

២-ការប្រគល់ ទទួលទណ្ឌិត ត្រូវធ្វើជាលាយលក្ខណ៍អក្សរចំនួនពីរច្បាប់ ជាភាសាវៀតណាម ភាសាខ្មែរ និងភាសាអង់គ្លេស ដែលគ្រប់អត្ថបទទាំងអស់មានតម្លៃស្មើគ្នា។ ភាគីនីមួយៗ ត្រូវរក្សាទុកមួយច្បាប់។

មាត្រា ១៩
វិសោធនកម្ម

រាល់ការធ្វើវិសោធនកម្ម ឬការកែប្រែសន្ធិសញ្ញានេះ ដែលបានទទួលការយល់ព្រមពីគូភាគី ត្រូវចូលជាធរមានតាមរបៀបដូចគ្នា ដូចមានចែងក្នុងកថាខណ្ឌទី១ នៃមាត្រា២០ នៃសន្ធិសញ្ញានេះ។

មាត្រា ២០
អវសានប្បញ្ញត្តិ

១-សន្ធិសញ្ញានេះ ត្រូវជាកម្មវត្ថុនៃការផ្តល់សច្ចាប័ន។ ភាគីនីមួយៗ ត្រូវជូនដំណឹងទៅវិញទៅមកឱ្យបានឆាប់ តាមដែលអាចធ្វើទៅបាន ជាលាយលក្ខណ៍អក្សរ តាមរយៈបណ្តាញការទូត អំពីការបញ្ចប់នីតិវិធីគតិយុត្ត ដែលចាំបាច់សម្រាប់ការចូលជាធរមាននៃសន្ធិសញ្ញានេះ។ សន្ធិសញ្ញា

នេះ ត្រូវមានអានុភាពអនុវត្តនៅថ្ងៃទីមួយ នៃខែទីពីរ គិតពីកាលបរិច្ឆេទទទួលបានការជូនដំណឹងចុងក្រោយ។

២-សន្ធិសញ្ញានេះ មានអានុភាពអនុវត្តដោយគ្មានកំណត់ពេល។ ប៉ុន្តែសន្ធិសញ្ញានេះ អាចត្រូវបានបញ្ចប់អានុភាព ដោយភាគីណាមួយ ជូនដំណឹងទៅភាគីម្ខាងទៀតជាលាយលក្ខណ៍អក្សរតាមរយៈបណ្តាញការទូត។ ការបញ្ចប់នេះ នឹងមានអានុភាពក្រោយរយៈពេលប្រាំមួយ (៦) ខែ គិតពីកាលបរិច្ឆេទទទួលបានការជូនដំណឹងនេះ។

៣-ទោះបីមានការបញ្ចប់សន្ធិសញ្ញានេះក៏ដោយ សន្ធិសញ្ញានេះនៅតែបន្តអនុវត្តចំពោះសំណើសុំផ្ទេរទណ្ឌិតដែលបានធ្វើមុនកាលបរិច្ឆេទនៃការបញ្ចប់សន្ធិសញ្ញានេះ មានអានុភាព។

៤-សន្ធិសញ្ញានេះ ត្រូវយកទៅអនុវត្តចំពោះទោសដែលបានប្រកាសមុន ឬក្រោយកាលបរិច្ឆេទនៃការចូលជាធរមាននៃសន្ធិសញ្ញានេះ។

ដើម្បីជាសក្ខីភាពនៅក្នុងសន្ធិសញ្ញានេះ អ្នកតំណាងដែលបានទទួលសិទ្ធិពេញលេញដោយសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម និងព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា បានចុះហត្ថលេខាលើសន្ធិសញ្ញានេះ។

ធ្វើនៅរដ្ឋធានីហាណូយ ថ្ងៃទី ២០ ខែធ្នូ ឆ្នាំ ២០១៦ ធ្វើឡើងជាពីរច្បាប់ជាភាសាវៀតណាម ភាសាខ្មែរ និងភាសាអង់គ្លេស ដែលគ្រប់អត្ថបទទាំងអស់មានតម្លៃស្មើគ្នា។ ក្នុងករណីមានវិវាទឬការបកស្រាយខុសគ្នា អត្ថបទភាសាអង់គ្លេស ត្រូវយកប្រើប្រាស់ជាអត្ថបទគោល។

តំណាងសាធារណរដ្ឋសង្គមនិយមវៀតណាម **តំណាងព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា**

ឡេ មិញ ជី
អគ្គរដ្ឋអាជ្ញាប្រជាជនកំពូល

អ្នក ឥន្ទ ឥន្ទ្រានា
រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងយុត្តិធម៌